

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2024/CBTT-CVS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV
 - Mã thành viên: 123
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại liên hệ: (84-28) 7303 8008 Fax: (84-28) 5414 1535
 - E-mail: online@cvs.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/03/2024 tại đường dẫn <https://cvs.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
CV

Nguyễn Lê Thúy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2009;
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25 tháng 03 năm 2009 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 05 năm 2023 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- Vốn điều lệ: 157.500.000.000 đồng (*một trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 157.500.000.000 đồng (*một trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng*).
- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-28) 7303 8008 Website: <https://www.cvs.vn>
- Mã cổ phiếu: Không có.
- Lịch sử phát triển:

25/03/2009 Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, theo giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/03/2009.

21/04/2015 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 19/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2015.

29/07/2017 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 11, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội theo Giấy phép điều



- chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 32/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/07/2017.
- 12/10/2017 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán CV theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 49/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/10/2017.
- 03/05/2018 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng.
- 11/07/2018 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/07/2018.
- 30/07/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/GCN-UBCK ngày 30/07/2018 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 02/11/2018 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 158/GCNTVLK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV, số hiệu thành viên là 109.
- 29/01/2019 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty trở thành Thành viên giao dịch và được kết nối giao dịch trực tuyến (theo các Quyết định số 70 và 71/QĐ-SGDHN ngày 29/01/2019).
- 04/03/2019 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty trở thành Thành viên giao dịch và được kết nối giao dịch trực tuyến (theo các Công văn số 381/SGDHCM-TV và 382/SGDHCM-HĐT).
- 31/12/2020 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ra Quyết định số 196/QĐ-VSD ngày 31/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 26/03/2021 Công ty rút nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/03/2021.
- 19/07/2021 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/07/2021.
- 29/08/2022 Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Quang Thuận, theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động

- công ty chứng khoán số 81/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/08/2022.
- 09/12/2022 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 157,5 tỷ đồng.
- 16/01/2023 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2023.
- 16/05/2023 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2023.
- 17/05/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 56/GCN-UBCK ngày 17/05/2023 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 05/07/2023 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 168/GCNTVLK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV, số hiệu thành viên là 123.
- 21/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ra Quyết định số 110/QĐ-SGDVN ngày 21/11/2023 về việc chấp thuận thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 21/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 759/QĐ-SGDHCM ngày 21/11/2023 về việc chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 22/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 1181/QĐ-SGDHN ngày 22/11/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường chứng khoán đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 21/12/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 1213/QĐ-UBCK ngày 21/12/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
- 21/12/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 1214/QĐ-UBCK ngày 21/12/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng

05
ĐN
Đ F
Đ NG
C
T.F

khoán CV được cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ.

02/02/2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 02/02/2024 về việc chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.

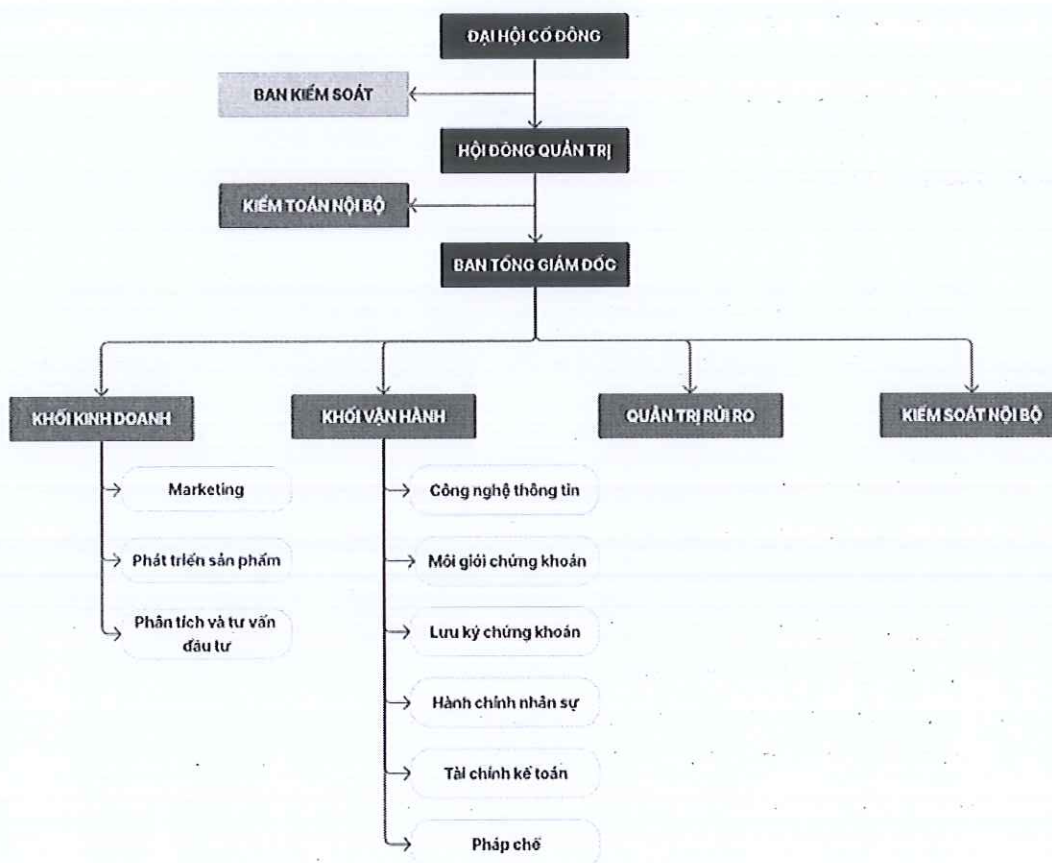
- Các sự kiện khác: Không có.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Doanh thu trong năm 2022 của Công ty chủ yếu đến từ nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán, trong khi đó doanh thu của năm 2023 chủ yếu là doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi từ các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn).
 - + Trong năm 2023, Công ty đã được cấp phép hoạt động Môi giới chứng khoán, là thành viên của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, được chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để giao dịch ký quỹ.... Đây sẽ là những hoạt động chính mang lại doanh thu cho công ty trong năm 2024.
- Địa bàn kinh doanh:
 - + Hiện nay Công ty chỉ có Trụ sở chính duy nhất tại Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa bàn kinh doanh của Công ty hiện tại hoàn toàn trong lãnh thổ Việt Nam.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Chứng khoán CV hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý (dự kiến):



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- **Trở thành công ty chứng khoán số số 1 trên thị trường:** Với lợi thế về công nghệ, Công ty xây dựng mục tiêu trở thành công ty chứng khoán số hóa hoàn toàn hàng đầu trên thị trường, tập trung cải thiện chất lượng để mang lại trải nghiệm mượt mà và tốt nhất cho khách hàng. Công ty hướng tới việc cung cấp một nền tảng đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng, đảm bảo cho khách hàng có thể tận hưởng trải nghiệm đầu tư mượt mà và tiện dụng.
- **Tập trung phục vụ tập khách hàng của Ví điện tử Momo:** Công ty tập trung phát triển theo định hướng hướng tới thị trường ngách là tập khách hàng của Ví điện tử Momo. Đây là tập khách hàng có đặc điểm là có tuổi đời trẻ, quy mô đầu tư chưa quá lớn nhưng lại là tập khách hàng có số lượng rất lớn. Theo xu thế phát triển của thị trường thì những đối tượng khách hàng này sẽ có xu hướng ưa thích sử dụng công nghệ trong đầu tư chứng khoán, chắc chắn sẽ tạo nên những hiệu ứng lan tỏa và tích cực.
- **Đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng:** Công ty theo đuổi chiến lược thiết kế đa dạng các nhóm sản phẩm chuyên biệt, phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả các phân khúc khách hàng.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trọng tâm phát triển của Công ty vẫn là tạo ra dấu ấn khác biệt về sản phẩm và thể hiện vai trò tiên phong dẫn dắt thị trường chứng khoán số tại Việt Nam. Công ty tập trung đầu tư hệ thống, sản phẩm và công nghệ trong hai năm 2023 - 2024.
- Riêng năm 2024 được kỳ vọng sẽ là một năm bứt phá của Công ty, dự kiến ra mắt sản phẩm mới để thu hút người dùng.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- **Văn hóa doanh nghiệp:** Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng. Nét văn hóa riêng đó đến từ những điều nhỏ nhất, được con người CVS thể hiện qua công việc thường ngày, khi tương tác với khách hàng, đồng nghiệp và đối tác và được nuôi dưỡng lâu dài, bền bỉ và nhất quán.
- **Chính sách liên quan đến người lao động:** Bên cạnh xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng, đáp ứng các tiêu chuẩn cao, Công ty còn: (1) Thực hiện quy chế lương thưởng minh bạch và khoa học, (2) Đầu tư đầy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo, thu hút nhân tài, (3) Tổ chức các hoạt động khác nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

5. CÁC RỦI RO

5.1 Rủi ro kinh tế

- Công ty Cổ phần Chứng khoán CV hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, vốn là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tăng trưởng và kế hoạch kinh doanh của CVS. Vì vậy, để đạt được hiệu quả hoạt động và kế hoạch kinh doanh đặt ra yêu cầu Công ty phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh.
- Rủi ro kinh tế mà CVS thường xuyên phải đối mặt được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là: i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Đây là những nhân tố chính ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán. Do đó Công ty phải thường xuyên phân tích các yếu tố nói trên để có thể dự phòng mức độ tác động của các yếu tố này đến chiến lược tăng trưởng và mô hình kinh doanh.

5.2 Rủi ro pháp lý

- Là một công ty chứng khoán, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro pháp lý có thể xảy ra khi Công ty không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lý do chủ quan hoặc khách quan, có thể bị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các chế tài xử lý hoặc bị khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho Công ty.

- Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

5.3 Rủi ro hệ thống

- Với mục tiêu phát triển là công ty chứng khoán số hóa dẫn đầu thị trường, rủi ro hệ thống là một trong những rủi ro trọng yếu của công ty. Rủi ro này có thể đến trực tiếp từ hệ thống nội bộ của Công ty hoặc rủi ro từ bên thứ ba cung cấp các đường truyền giữa Công ty với các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Rủi ro này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Vì vậy, Công ty xây dựng quy định, quy trình nội bộ; thường xuyên kiểm tra hệ thống Core... nhằm đảm bảo tính ổn định, tính thông suốt và tính bảo mật của hệ thống; Công ty cũng đầu tư xây dựng site backup để đảm bảo tính ổn định và liên tục của hệ thống ở mức cao nhất.

5.4 Rủi ro tuân thủ

- Kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế.
- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ cũng là nguy cơ gây ra các rủi ro tuân thủ mới mà Công ty có thể đối mặt. Trong môi trường làm việc trực tuyến mới, việc đảm bảo sự tuân thủ của nhân viên Công ty đối với các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp càng được chú trọng và có những định hướng, cách thức kiểm soát phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/TH 2022
Doanh thu hoạt động	3.935.060.618	4.000.373.824	101,66%
Chi phí hoạt động	-	280.188.433	
Doanh thu tài chính	50.877.686	7.641.576	15,02%
Chi phí tài chính	-	-	
Chi phí bán hàng	-	-	
Chi phí quản lý CTCK	4.815.411.826	16.532.489.424	343,32%
Kết quả hoạt động	(829.473.522)	(12.804.662.457)	1.543,71%
Kết quả hoạt động khác	(397.465.327)	(256.991.009)	64,66%



Lợi nhuận trước thuế	(1.226.938.849)	(13.061.653.466)	1.064,57%
Lợi nhuận sau thuế	(1.226.938.849)	(13.061.653.466)	1.064,57%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH.2023	TH.2023	% TH.2023/ KH.2023
1	Doanh thu hoạt động	4.000.000.000	4.000.373.824	100,01%
2	Lợi nhuận trước thuế	(27.000.000.000)	(13.061.653.466)	48,38%
3	Lợi nhuận sau thuế	(27.000.000.000)	(13.061.653.466)	48,38%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,
Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

Năm 2023, Công ty đạt mức doanh thu hoạt động là hơn 4 tỷ đồng, đạt 100,01% kế hoạch. Doanh thu chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính - lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty đạt mức lợi nhuận trước thuế là âm 13 tỷ đồng, tương đương 48,38% kế hoạch lợi nhuận cả năm, trong đó chủ yếu là do công ty đã tiết kiệm được chi phí quản lý so với kế hoạch.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Danh sách Ban điều hành

a) Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	10/07/1977	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	0	0,00%
2	Võ Trần Duy	Thành viên	20/10/1983	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	0	0,00%
3	Đoàn Tử Tích Phước	Thành viên	28/09/1978	Thạc sĩ Luật	0	0,00%

b) Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Trưởng ban	14/10/1989	Cử nhân Kế toán	0	0,00%
2	Trần Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	14/11/1982	Cử nhân Kinh tế	0	0,00%
3	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	16/10/1984	Cử nhân Kế toán	0	0,00%

c) Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	23/10/1988	Thạc sỹ Tài chính	0	0,00%
2	Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	28/06/1982	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng	0	0,00%
3	Trần Thị Thúy Lan	Kế toán trưởng	20/05/1985	Cử nhân Kế toán	0	0,00%

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện miễn nhiệm và bổ nhiệm các nhân sự như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18/04/2023	
2	Võ Trần Duy	Thành viên Hội đồng quản trị	18/04/2023	
3	Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên Hội đồng quản trị	18/04/2023	
II	BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Trưởng Ban kiểm soát	18/04/2023	
2	Trần Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	18/04/2023	
3	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	18/04/2023	
4	Đỗ Đức Thịnh	Trưởng Ban kiểm soát	15/09/2022	18/04/2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
5	Nguyễn Tuấn Nhã	Kiểm soát viên	15/09/2022	18/04/2023
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Lê Thúy	Tổng Giám đốc	15/09/2022	19/05/2023
2	Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	19/05/2023	
3	Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	19/05/2023	
IV	PHÒNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ			
1	Vũ Thị Thúy Hà	Trưởng phòng		19/06/2023
2	Trần Nhật Quang	Trưởng phòng	19/06/2023	

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2023: 15 người.
- Công ty áp dụng một số chính sách đối với người lao động như sau:

+ Chính sách đào tạo:

Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới hiểu về nội quy, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các nghiệp vụ chuyên môn liên quan.

Đào tạo nghiệp vụ: Trong quá trình làm việc, công ty có các chương trình đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới và tổ chức các buổi cập nhật nghiệp vụ định kỳ cho toàn bộ nhân viên.

- + Chính sách tiền lương: Công ty thực hiện dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, sẽ được thay đổi khi các quy định của pháp luật về mức lương tối thiểu thay đổi và dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét điều chỉnh lương định kỳ hàng năm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo KPIs trong năm đối với mỗi cá nhân người lao động.
- + Chính sách thưởng: Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hàng năm, công ty sẽ có các kỳ đánh giá kết quả làm việc của toàn thể cán bộ nhân viên dựa vào KPIs đã được đề ra từ đầu năm. Mức thưởng sẽ dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của năm. Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến sẽ thực hiện thưởng đột xuất khi cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc.
- + Chính sách phúc lợi: Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng và ban hành các chính sách phúc lợi áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Định kỳ hàng năm, Công ty sẽ xem xét điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBNV, qua đó tạo ra môi trường làm việc lý tưởng,

duy trì đời sống sức khỏe, tinh thần cho nhân viên, góp phần tạo động lực, khích lệ cán bộ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách lớn có thể kể đến là:

Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và gia đình.

Các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động team building cho CBNV, tạo điều kiện để tất cả CBNV có cơ hội rèn luyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn. Không chỉ có vậy, đây là dịp để mọi người trong Công ty có thể gặp mặt, trao đổi, nâng cao sự gắn kết giữa các phòng ban trong Công ty.

Chính sách khác: Công ty còn có những trợ cấp khác như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang; gia đình gặp khó khăn đặc biệt, nữ sinh con hoặc chồng có vợ sinh con.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2022	2023	% TĂNG/GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	77.229.430.140	68.555.823.936	(11,23%)
2	Doanh thu hoạt động	3.935.060.618	4.000.373.824	1,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(829.473.522)	(12.804.662.457)	1.443,71%
4	Lợi nhuận khác	(397.465.327)	(256.991.009)	(35,34%)
5	Lợi nhuận trước thuế	(1.226.938.849)	(13.061.653.466)	964,57%
6	Lợi nhuận sau thuế	(1.226.938.849)	(13.061.653.466)	964,57%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	0,00%	-

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	GHI CHÚ
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	97,50	7,81	

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	GHI CHÚ
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	97,50	7,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,01	0,08	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,08	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	0,09	0,05	
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	0,10	0,07	
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Không có	Không có	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	(31,18%)	(326,51%)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	(2,80%)	(17,92%)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	(2,83%)	(18,68%)	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2023	GHI CHÚ
1	Tổng số cổ phần phát hành: - <i>Cổ phần phổ thông</i> - <i>Cổ phần ưu đãi</i>	15.750.000 15.750.000 -	15.750.000 15.750.000 -	
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.750.000	15.750.000	
3	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	15.750.000	15.750.000	
4	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	-	-	

5.2 Cơ cấu cổ đông

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ (nghìn đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông trong nước	8.032.500	03	80.325.000	51,00%
	- <i>Cá nhân</i>	8.032.500	03	80.325.000	51,00%

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ (nghìn đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
	- Tổ chức	-	-	-	-
2	Cổ đông nước ngoài	7.717.500	01	77.175.000	49,00%
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	7.717.500	01	77.175.000	49,00%
	<i>Trong đó: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	7.717.500	01	77.175.000	49,00%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
A	TỔNG CỘNG	15.750.000	04	157.500.000	100,00%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5%)	15.750.000	04	157.500.000	100,00%
2	Cổ đông nhỏ	-	-	-	-
B	TỔNG CỘNG	15.750.000	04	157.500.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan xét duyệt
25/03/2009	35 tỷ đồng		Thành lập doanh nghiệp	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2009; - Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009
03/05/2018	90 tỷ đồng	Tăng 40 tỷ đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 34/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/05/2018
09/12/2022	157,5 tỷ đồng	Tăng 67,5 tỷ đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 ngày 15/09/2022; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán 03/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/01/2023.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2023: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán nên không thực hiện các hoạt động sản xuất tác động đến môi trường.

6.1. Tác động lên môi trường

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không áp dụng.
- b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không áp dụng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không áp dụng.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không áp dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không áp dụng.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không đáng kể.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không áp dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2023: 15 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động là: 27,1 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Sức khỏe của các cán bộ, nhân viên luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc của Nhà nước, các thành viên Công ty và người thân được bảo vệ

bằng chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung, có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến tai nạn và bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
 - + Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCKNN, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng quản trị mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.
 - + Các hoạt động đào tạo nội bộ cũng thường xuyên được duy trì, đảm bảo cập nhật kiến thức thường xuyên cho nhân viên.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không áp dụng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. Không áp dụng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty kết thúc năm 2023 với các số liệu tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2022	2023	% TĂNG/GIẢM
1	Doanh thu hoạt động	3.935.060.618	4.000.373.824	1,66%
2	Chi phí hoạt động	0	280.181.669	-
3	Lợi nhuận trước thuế	(1.226.938.849)	(13.061.653.466)	964,57%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

Sau quá trình thay đổi chủ sở hữu công ty vào năm 2022, trong năm 2023, Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã thực hiện quá trình xây dựng cơ sở vật chất, nhân sự, hệ thống, xây dựng sản phẩm, các quy trình nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan nhà nước để được phép cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, đăng ký lưu ký chứng khoán, dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và dịch vụ cho khách vay tiền mua chứng khoán để giao dịch ký quỹ. Vì vậy, kết quả kinh doanh năm 2023 chưa khả quan và phản ánh đúng giai đoạn chuẩn bị và xây dựng sản phẩm của Công ty.

Công ty sẽ chính thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới nhóm khách hàng mục tiêu trong quý 1 năm 2024, nỗ lực không ngừng trong việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đầu tư và đảm bảo chất lượng hạ tầng công nghệ, song song đó là nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng.

Những kết quả công ty đã đạt được:

Trong năm 2023, Công ty đã được cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; Giấy Chứng nhận thành viên lưu ký của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; các Quyết định chấp thuận kết nối tới Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Quyết định chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán và dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để giao dịch ký quỹ.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

TÌNH HÌNH TÀI SẢN	2022	2023	% TĂNG/GIẢM
Tài sản ngắn hạn	73.873.448.523	40.189.646.015	(45,60%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.424.897.378	9.547.355.043	(57,43%)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.500.000.000	30.000.000.000	(32,58%)
Các khoản phải thu	45.349.315	10.964.383	(75,82%)
Trả trước cho người bán	6.874.275.235	750.000	(99,99%)
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		28.790	
Tài sản ngắn hạn khác	28.926.595	630.547.799	2.079,82%
Tài sản dài hạn	3.355.981.617	28.366.177.921	745,24%
Tài sản cố định hữu hình	1.398.177.113	16.793.242.128	1.101,08%
Tài sản cố định vô hình	372.848.581	10.032.032.013	2.590,65%
Tài sản dài hạn khác	1.584.955.923	1.540.903.780	(2,78%)
TỔNG TÀI SẢN	77.229.430.140	68.555.823.936	(11,23%)

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

Năm 2023, Tổng tài sản của Công ty giảm 11,23%, từ 77,229 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022 xuống 68,556 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023. Tài sản ngắn hạn giảm 45,6%, đạt 40,19 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023, trong đó khoản mục “Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” chiếm tỷ trọng lớn nhất là 30 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 754,24%, đạt 28,366 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ	2022	2023	% TĂNG/GIẢM
Nợ ngắn hạn	757.689.238	5.145.736.500	579,14%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	209.207	
Phải trả người bán ngắn hạn	576.167.112	2.643.775.838	358,86%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.353.126	131.483.086	515,76%
Phải trả người lao động	2.310.000	339.331.769	14.589,69%
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	13.959.000	144.611.900	935,98%
Chi phí phải trả ngắn hạn	141.000.000	1.880.658.000	1.233,80%
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.900.000	5.666.700	95,40%
Nợ dài hạn			
NỢ PHẢI TRẢ	757.689.238	5.145.736.500	579,14%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022-2023

Tại ngày 31/12/2023, Nợ phải trả của Công ty tăng 579,14% từ 757,689 triệu đồng lên 5,145 tỷ đồng. Công ty không có Nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn tăng 579,14%, trong đó chủ yếu là tăng khoản Phải trả người bán ngắn hạn và Chi phí phải trả ngắn hạn.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Công ty đang trong quá trình thành lập đầy đủ các phòng, bộ phận chức năng - nghiệp vụ, kiện toàn bộ máy nhân sự đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Công ty đã ban hành đầy đủ các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo việc vận hành hoạt động kinh doanh tuân thủ đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- **Trở thành công ty chứng khoán số số 1 trên thị trường.** Với lợi thế về công nghệ, Công ty xây dựng mục tiêu trở thành công ty chứng khoán số hóa hoàn toàn trên thị trường, tập trung cải thiện chất lượng để mang lại trải nghiệm mượt mà và tốt nhất cho khách hàng.
- **Tập trung phục vụ tập khách hàng của Ví điện tử Momo:** Công ty tập trung phát triển theo hướng hướng tới thị trường ngách là tập khách hàng của Ví điện tử Momo. Đây là tập khách hàng có đặc điểm là có tuổi đời trẻ, quy mô đầu tư chưa quá lớn nhưng lại là tập khách hàng có số lượng rất lớn. Theo xu thế phát triển của thị trường thì những đối tượng khách hàng này sẽ có xu hướng ưa thích sử dụng công nghệ trong đầu tư chứng khoán, chắc chắn sẽ tạo nên những hiệu ứng lan tỏa và tích cực.
- **Đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng:** Công ty theo đuổi chiến lược thiết kế đa dạng các nhóm sản phẩm chuyên biệt, phù hợp với từng

phân khúc khách hàng. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả các phân khúc khách hàng.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Không áp dụng.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty sẽ đảm bảo mức lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán khác nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, Ngoài ra, người lao động sẽ được đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và nhận thưởng theo kết quả công việc và hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến xây dựng chế độ khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có những đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết làm tròn nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Chúng tôi luôn sẵn sàng tạo cơ hội và hỗ trợ cho các bạn sinh viên thực tập sinh được đào tạo thông qua làm việc và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, sẵn sàng cho hành trình khởi nghiệp của các bạn sau khi kết thúc học tập.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

a. Về việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Năm 2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã có những thay đổi lớn về chủ sở hữu công ty. Năm 2023, Công ty đã và đang trong quá trình thiết lập bộ máy quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự, chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, công nghệ, hệ thống và sản phẩm để mở rộng hoạt động kinh doanh... Vì vậy, kết quả kinh doanh năm 2023 chưa khả quan và phản ánh đúng giai đoạn tái cấu trúc toàn diện Công ty.

Trong năm 2023, Công ty đã được cấp phép các nghiệp vụ và hoạt động sau:

- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

- Giấy Chứng nhận thành viên lưu ký của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Các Quyết định chấp thuận kết nối tới Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quyết định chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán
- Quyết định chấp thuận cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để giao dịch ký quỹ.

Năm 2024, Công ty tiếp tục nỗ lực không ngừng trong việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đầu tư và đảm bảo chất lượng hạ tầng công nghệ, song song đó là nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng.

b. Về việc triển khai các nhiệm vụ khác

Trong năm 2023, Công ty đã xây dựng lại website của Công ty theo một giao diện hoàn toàn mới và có đầy đủ các thông tin cần thiết phục vụ cho khách hàng cũng như các cổ đông.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đã giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị dựa trên các hoạt động sau:

- Ban Tổng giám đốc có thực hiện báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Công tác giám sát còn được Hội đồng quản trị triển khai thông qua việc chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy trình, quy chế để củng cố bộ máy tổ chức, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, minh bạch và quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.
- Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro. Đạo đức kinh doanh, văn hóa Công ty được chú trọng và bồi đắp thông qua việc xây dựng quy chế, tổ chức những hoạt động đào tạo, gắn kết đội ngũ.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nâng cao năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ... để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Phát huy lợi thế về công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, cung cấp thêm cho khách hàng các sản phẩm đa dạng và linh hoạt, hỗ trợ tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh, bảo đảm an toàn vốn trong hoạt động cho vay ký quỹ.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao

hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy. Tăng cường đào tạo tại chỗ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ 4.0.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY KHÁC	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
					SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT (TV.HĐQT không điều hành)	Không có	Phó Tổng Giám đốc cấp cao - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	0	0,00%
2	Võ Trần Duy	TV.HĐQT không điều hành	Không có	Không có	0	0,00%
3	Đoàn Tử Tích Phước	TV.HĐQT không điều hành	Không có	Không có	0	0,00%

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	17/01/2023	Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính	100%
2	01A/2023/NQ-HĐQT	17/01/2023	Ban hành Quy chế tài chính của Công ty	100%
3	02/2023/NQ-HĐQT	22/02/2023	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
4	02A/2023/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua giao dịch giữa Công ty với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	100%
5	03/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
6	04/2023/NQ-HĐQT	19/05/2023	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Lê Thúy Miễn nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Tấn Huy	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Bổ nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Ngô Thị Vui	
7	05/2023/NQ-HĐQT	19/05/2023	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Tấn Huy	100%
8	06/2023/NQ-HĐQT	19/05/2023	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Lê Thúy	100%
9	07/2023/NQ-HĐQT	14/06/2023	Đóng cửa Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	100%
10	08/2023/NQ-HĐQT	19/06/2023	Miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ đối với bà Vũ Thị Thúy Hà Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ đối với ông Trần Nhật Quang	100%
11	09/2023/NQ-HĐQT	29/06/2023	Thông qua giao dịch giữa Công ty với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	100%
12	10/2023/NQ-HĐQT	03/08/2023	Thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán.	100%
13	10A/2023/NQ-HĐQT	18/09/2023	Ban hành Quy chế làm việc của Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV	100%
14	11/2023/NQ-HĐQT	02/11/2023	Thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán cho khách hàng	100%
15	12/2023/NQ-HĐQT	02/11/2023	Thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ	100%
16	13/2023/NQ-HĐQT	15/11/2023	Thông qua giao dịch giữa Công ty với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	100%
17	14/2023/NQ-HĐQT	16/11/2023	Thông qua việc cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho khách hàng	100%
18	15/2023/NQ-HĐQT	06/12/2023	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường	100%
19	16/2023/NQ-HĐQT	25/12/2023	Thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã tổ chức 19 cuộc họp về các nội dung thông qua địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty; bầu chủ tịch Hội đồng quản trị; thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường; miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc; thông qua giao dịch với bên liên quan; thông qua việc cung cấp các dịch vụ cho khách hàng....Các cuộc họp đều được thông qua với tỷ lệ 100%.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	
			SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoàn	Trưởng Ban	0	0,00%
2	Trần Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	0	0,00%
3	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	0	0,00%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	SỐ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG CHÍNH	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2023/NQ-BKS	18/04/2023	Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát	100%
2	02/2023/NQ-BKS	11/18/2023	Thống nhất kết quả soát xét Báo cáo tài chính bán niên từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tài thời điểm 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện	100%

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã tổ chức 02 cuộc họp về các nội dung bầu Trưởng ban kiểm soát; thống nhất kết quả soát xét Báo cáo tài chính bán niên từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tài thời điểm 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện. Các cuộc họp đều được thông qua với tỷ lệ 100%.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Vui lòng xem chi tiết trong Báo cáo tài chính niên độ 2023 đã được kiểm toán (đính kèm theo báo cáo này).

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến người nội bộ Cổ đông lớn	0305289153	Tầng 6, Toà nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	13/04/2023	Mua, bán thiết bị
2	Công ty cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến người nội bộ Cổ đông lớn	0305289153	Tầng 6, Toà nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	15/09/2023	Dịch vụ phát triển phần mềm và các công việc khác liên quan đến hoạt động Công nghệ thông tin
3	Công ty cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến người nội bộ Cổ đông lớn	0305289153	Tầng 6, Toà nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	29/12/2023	Hợp tác cung cấp dịch vụ

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban và cán bộ nhân viên đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài năm 2023: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính niên độ 2023 đã được kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TUỢ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 16/05/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 17/08/2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Võ Trần Duy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Đoàn Tử Tích Phước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Nguyễn Lê Thúy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Đỗ Đức Thịnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Lê Trường Hoài Giang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tân Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.189.646.015	73.873.448.523
110	I. Tài sản tài chính		39.559.098.216	73.844.521.928
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.547.355.043	22.424.897.378
111.1	1.1 Tiền		4.047.355.043	3.424.897.378
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	19.000.000.000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	30.000.000.000	44.500.000.000
117	3. Các khoản phải thu	6	10.964.383	45.349.315
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		10.964.383	45.349.315
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		10.964.383	45.349.315
118	4. Trả trước cho người bán		750.000	6.874.275.235
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	28.790	-
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		630.547.799	28.926.595
131	1. Tạm ứng		224.000.000	-
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	406.547.799	11.920.595
137	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	17.006.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.366.177.921	3.355.981.617
220	I. Tài sản cố định		26.825.274.141	1.771.025.694
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.793.242.128	1.398.177.113
222	- Nguyên giá		20.217.853.700	2.466.121.900
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.424.611.572)	(1.067.944.787)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	10.032.032.013	372.848.581
228	- Nguyên giá		12.949.312.000	2.634.460.000
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.917.279.987)	(2.261.611.419)
250	II. Tài sản dài hạn khác		1.540.903.780	1.584.955.923
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	226.446.000	416.410.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	1.314.457.780	1.168.545.723
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		68.555.823.936	77.229.430.140

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

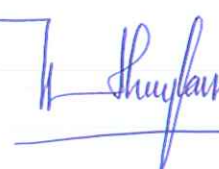
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.145.736.500	757.689.238
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.145.736.500	757.689.238
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		209.207	-
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.643.775.838	576.167.112
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	131.483.086	21.353.126
323	4. Phải trả người lao động		339.331.769	2.310.000
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		144.611.900	13.959.000
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.880.658.000	141.000.000
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		5.666.700	2.900.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.410.087.436	76.471.740.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	63.410.087.436	76.471.740.902
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		157.500.000.000	157.500.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		157.500.000.000	157.500.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.500.000.000	157.500.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(94.089.912.564)	(81.028.259.098)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(94.089.912.564)	(81.028.259.098)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>68.555.823.936</u>	<u>77.229.430.140</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	15	900.000.000	900.000.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		15.750.000	15.750.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG	16		
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	a)	92.720.000	-
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		86.610.000	-
021.5	b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.110.000	-
026	2. Tiền gửi của khách hàng	b)	98.953.710	-
027	2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		88.027.960	-
028	2.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		9.925.750	-
029	2.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.000.000	-
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		1.000.000	-
031	3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	c)	88.027.960	-
031.1	3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		88.027.960	-

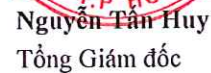


Trần Thị Thúy Lan
 Người lập



Trần Thị Thúy Lan
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Tân Huy
 Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	17		
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		3.999.545.203	183.185.618
06	1.2 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		826.493	-
08	1.3 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	3.751.875.000
09	1.4 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.128	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		4.000.373.824	3.935.060.618
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	18		
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		280.181.669	-
30	2.2 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		6.764	-
40	Cộng chi phí hoạt động		280.188.433	-
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	19		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	11.466.900
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		7.641.576	39.410.786
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		7.641.576	50.877.686
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	20	16.532.489.424	4.815.411.826
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(12.804.662.457)	(829.473.522)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác		1.000.000	60.663.524
72	8.2 Chi phí khác	21	257.991.009	458.128.851
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(256.991.009)	(397.465.327)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	22	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	23	(829)	(130)

Trần Thị Thúy Lan
Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.004.693.777	815.679.084
03	- Khấu hao tài sản cố định		3.012.335.353	759.119.910
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.641.576)	56.559.174
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.613.359.578	(40.544.608.636)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		14.500.000.000	(44.500.000.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		34.384.932	(38.517.123)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(28.790)	2.393.700.000
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		6.666.531.235	2.219.404.968
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.739.658.000	141.000.000
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(540.539.261)	(982.518.940)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(557.391.274)	576.167.112
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi		130.652.900	(3.616.820)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		110.129.960	14.227.167
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		337.021.769	(58.419.000)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		2.975.907	(104.940.000)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		189.964.200	25.350.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(226.446.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.556.399.889	(40.955.868.401)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(25.441.583.800)	(7.971.172.300)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	14.545.455
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.641.576	39.410.786
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.433.942.224)	(7.917.216.059)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	67.500.000.000
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	67.500.000.000
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(12.877.542.335)	18.626.915.540

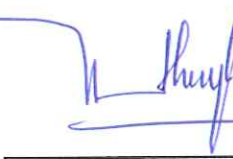
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		22.424.897.378	3.797.981.838
101.1	- Tiền		3.424.897.378	297.981.838
101.2	- Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	3.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	9.547.355.043	22.424.897.378
103.1	- Tiền		4.047.355.043	3.424.897.378
103.2	- Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	19.000.000.000


Trần Thị Thúy Lan
Người lập


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Tân Huy
Tổng Giám đốc





Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024


**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		324.294.100	-
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(488.206.480)	-
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		264.004.100	-
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.136.806)	-
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.204)	-
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		98.953.710	-
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		-	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	b)	98.953.710	-
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		98.953.710	-
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		88.027.960	-
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		9.925.750	-
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.000.000	-


Trần Thị Thúy Lan
Người lập


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm					
		01/01/2022		01/01/2023		Năm 2022		Năm 2023			
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	VND	157.500.000.000	VND	67.500.000.000	-	157.500.000.000	VND	157.500.000.000	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		90.000.000.000	VND	157.500.000.000	VND	67.500.000.000	-	157.500.000.000	VND	157.500.000.000	VND
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(79.801.320.249)	(81.028.259.098)	(81.028.259.098)	(1.226.938.849)	(1.226.938.849)	-	(81.028.259.098)	(94.089.912.564)	(94.089.912.564)	
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(79.801.320.249)	(81.028.259.098)	(81.028.259.098)	(1.226.938.849)	(1.226.938.849)	-	(81.028.259.098)	(94.089.912.564)	(94.089.912.564)	
TỔNG CỘNG		10.198.679.751	76.471.740.902	76.471.740.902	66.273.061.151	66.273.061.151	(13.061.653.466)	76.471.740.902	63.410.087.436	63.410.087.436	

(*) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu chào bán là 6.750.000 cổ phiếu thu về 67,5 tỷ VND. Phương án sử dụng vốn được thông qua tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 1509/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2022 như sau:

- (1) Thiết lập Data Center, đường truyền kết nối, thiết bị và phần mềm tin học đáp ứng điều kiện khai triển khai nghiệp vụ môi giới chứng khoán với số tiền 30 tỷ VND;
- (2) Thiết kế, thi công, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ và các khoản thanh toán khác liên quan đến trụ sở chính với số tiền 5 tỷ VND;
- (3) Bổ sung nguồn vốn lưu động với số tiền 32,5 tỷ VND.

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán nêu trên. Trong đó, phần vốn phân bổ cho hạng mục (3) vẫn là 32,5 tỷ VND nhưng có thay đổi việc phân bổ cho các hạng mục chi tiết như Chi trả lương cho người lao động, chi trả các chi phí cần thiết khác.

Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thay đổi lại phương án sử dụng vốn theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2023/NQ-HĐQT ngày 25/12/2023. Phương án sử dụng vốn hiện tại như sau:

- (1) Thiết lập Data Center, đường truyền kết nối, thiết bị và phần mềm tin học đáp ứng điều kiện triển khai nghiệp vụ môi giới chứng khoán với số tiền 30 tỷ VND;
- (2) Thiết kế, thi công, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ và các khoản thanh toán khác liên quan đến trụ sở chính với số tiền 5 tỷ VND;
- (3) Bổ sung nguồn vốn lưu động với số tiền 27,5 tỷ VND.

(4) Bổ sung nguồn vốn triển khai dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng với số tiền 5 tỷ VND.

Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 25/12/2023.







Trần Thị Thủy Lan
Người lập

Trần Thị Thủy Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 16/05/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 17/08/2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 157.500.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 157.500.000.000 VND; tương đương 15.750.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 13 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang lỗ lũy kế là 94,09 tỷ đồng, tương ứng 59,74% vốn góp của chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty có phát sinh doanh thu hoạt động tài chính từ tiền gửi có kỳ hạn của khoản vốn góp chưa sử dụng sau khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2022 cho nên Công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì hoạt động. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất thủ tục xin cấp phép thực hiện triển khai nghiệp vụ môi giới chứng khoán và đang trong giai đoạn đưa vào vận hành.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty và khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm giao dịch, website	05 - 08 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.14 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là tư vấn đầu tư tài chính đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2.21 . Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	41.388	826.477.080
	41.388	826.477.080

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5.641.226	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	4.041.713.817	3.424.897.378
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	19.000.000.000
	9.547.355.043	22.424.897.378

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,6%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	30.000.000.000	44.500.000.000
	30.000.000.000	44.500.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	10.964.383	45.349.315
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	28.790	-
	10.993.173	45.349.315

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	19.163.364	8.149.167
Chi phí thuê tủ rack	178.200.000	-
Chi phí kết nối đường truyền	102.155.012	3.771.428
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	107.029.423	-
	406.547.799	11.920.595

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	246.122.519	231.545.065
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	602.007.064	937.000.658
Chi phí kết nối đường truyền	291.666.666	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	174.661.531	-
	1.314.457.780	1.168.545.723

8 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	226.446.000	416.410.200
	226.446.000	416.410.200

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	2.181.771.900	284.350.000	2.466.121.900
Mua trong năm	17.751.731.800	-	17.751.731.800
Tại ngày 31/12/2023	19.933.503.700	284.350.000	20.217.853.700
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	816.671.965	251.272.822	1.067.944.787
Khấu hao trong năm	2.345.265.817	11.400.968	2.356.666.785
Tại ngày 31/12/2023	3.161.937.782	262.673.790	3.424.611.572
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	1.365.099.935	33.077.178	1.398.177.113
Tại ngày 31/12/2023	16.771.565.918	21.676.210	16.793.242.128

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 432.575.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình, phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	2.634.460.000	-	2.634.460.000
Mua trong năm	10.284.852.000	30.000.000	10.314.852.000
Tại ngày 31/12/2023	12.919.312.000	30.000.000	12.949.312.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	2.261.611.419	-	2.261.611.419
Khấu hao trong năm	654.636.310	1.032.258	655.668.568
Tại ngày 31/12/2023	2.916.247.729	1.032.258	2.917.279.987
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	372.848.581	-	372.848.581
Tại ngày 31/12/2023	10.003.064.271	28.967.742	10.032.032.013

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.794.460.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ Toàn Thắng	-	170.011.254
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nội thất Toàn Cầu	-	375.972.126
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	2.625.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	18.775.838	30.183.732
	2.643.775.838	576.167.112

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.000.545
Thuế Thu nhập cá nhân	131.483.086	18.352.581
	131.483.086	21.353.126

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ quản lý, phát triển phần mềm	1.840.158.000	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	-	77.000.000
Chi phí quản lý khác	40.500.000	64.000.000
	1.880.658.000	141.000.000

14 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	77.175.000.000	49,00%	77.175.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
- Ông Lê Hùng Cường	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
- Ông Lê Công Trường	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
	100%	157.500.000.000	100%	157.500.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(94.089.912.564)	(81.028.259.098)
	(94.089.912.564)	(81.028.259.098)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
Lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(94.089.912.564)	(81.028.259.098)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(94.089.912.564)	(81.028.259.098)

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	157.500.000.000	157.500.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	157.500.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	67.500.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	157.500.000.000	157.500.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.750.000	15.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	15.750.000	15.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.750.000	15.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.750.000	15.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.750.000	15.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng tại tầng 2 của Tòa nhà IMV, địa chỉ số 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Việt Nam để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích thuê là 146 m2 với đơn giá thuê là 568.700 VND/m2/tháng với thời hạn hợp đồng từ ngày 25/12/2022 đến ngày 24/12/2025. Tại ngày 31/12/2023 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	996.362.400	996.362.400
- Trên 1 năm đến 5 năm	996.362.400	1.992.724.800
	<u><u>1.992.724.800</u></u>	<u><u>2.989.087.200</u></u>

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	900.000.000	900.000.000

16 . TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**a) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	86.610.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.110.000	-
	<u><u>92.720.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

b) Tiền gửi của khách hàng

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	88.027.960	-
Nhà đầu tư trong nước	88.027.960	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	9.925.750	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.000.000	-
Nhà đầu tư trong nước	1.000.000	-
	<u><u>98.953.710</u></u>	<u><u>-</u></u>

c) PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK	88.027.960	-
Nhà đầu tư trong nước	88.027.960	-
	<u><u>88.027.960</u></u>	<u><u>-</u></u>



17 . THU NHẬP

a) Tiền lãi phát sinh từ HTM

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.999.545.203	183.185.618
	3.999.545.203	183.185.618

b) Doanh thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu nghiệp môi giới chứng khoán	826.493	-
Doanh thu nghiệp lưu ký chứng khoán	2.128	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	3.751.875.000
	828.621	3.751.875.000

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	280.181.669	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.764	-
	280.188.433	

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	11.466.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.466.900
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	7.641.576	39.410.786
	7.641.576	50.877.686

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	4.880.444.099	1.375.460.132
Chi phí vật tư văn phòng	5.593.546	5.122.989
Chi phí công cụ, dụng cụ	161.855.154	5.706.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.788.412.683	759.119.910
Chi phí thuế, phí và lệ phí	29.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.378.723.827	2.356.306.590
Chi phí khác	288.460.115	308.695.977
	16.532.489.424	4.815.411.826

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	125.975.415
Các khoản bị phạt	237.887.769	314.374.816
Các khoản khác	20.103.240	17.778.620
	257.991.009	458.128.851

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.012.352.909	529.585.656
- Chi phí không hợp lệ	3.012.352.909	529.585.656
Thu nhập chịu thuế TNDN	(10.049.300.557)	(697.353.193)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(13.061.653.466)	(1.226.938.849)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.750.000	9.406.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(829)	(130)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.541.713.817	-	-	9.541.713.817
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Các khoản phải thu	10.993.173	-	-	10.993.173
	39.552.706.990	-	-	39.552.706.990
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.424.897.378	-	-	22.424.897.378
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.500.000.000	-	-	44.500.000.000
Các khoản phải thu	45.349.315	-	-	45.349.315
	66.970.246.693	-	-	66.970.246.693

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	2.649.651.745	-	-	2.649.651.745
Chi phí phải trả	1.880.658.000	-	-	1.880.658.000
	<u>4.530.309.745</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.530.309.745</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán và phải trả khác	579.067.112	-	-	579.067.112
Chi phí phải trả	141.000.000	-	-	141.000.000
	<u>720.067.112</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>720.067.112</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	Cổ đông lớn	-	1.000.000.000
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	Cổ đông lớn	5.309.894.333	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Võ Trần Duy	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Đoàn Tử Tích Phước	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/05/2023)	717.678.548	-
Bà Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/05/2023)	823.636.538	157.544.381
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/05/2023)	-	361.948.071
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/12/2022)	-	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn	Trưởng ban BKS (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Đỗ Đức Thịnh	Trưởng ban BKS (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Lê Trường Hoài Giang	Thành viên BKS Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

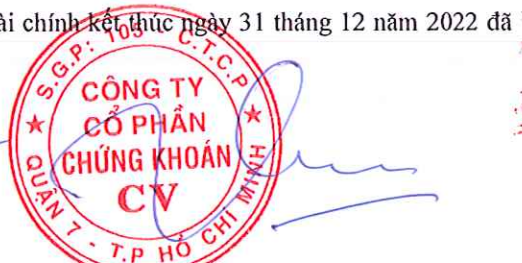


Trần Thị Thúy Lan
Người lập

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

